

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-PT.

Ngày: 19 tháng 9 năm 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp

nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Anh Tuấn.

Ông Nguyễn Thế Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Thái Nguyên) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2025/QĐXX-PT ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm L, xã L, TP. T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lưu Bình Dương – Văn phòng Luật sư Lưu Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; Địa chỉ: xóm L, xã L, TP. T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vi Thị L, sinh năm 1965; Địa chỉ: xóm L, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên). Có mặt.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không H hợp, chị L đã ra ngoài ở, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Hải Anh, sinh ngày 07/8/2011 và Nguyễn Minh Phúc, sinh 14/9/2018. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Phúc, nhất trí để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Anh.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng mua được 01 thửa đất số 1933, tờ bản đồ số 7, diện tích 127,8m², địa chỉ: tại xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết chị L có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng đối với thửa đất này.

Chị L xác định từ năm 2012 chị về làm dâu, hai vợ chồng sinh sống cùng mẹ chồng là bà Vi Thị L. Vợ chồng chị đã xây, sửa một số hạng mục và mua sắm các thiết bị như sau: 01 nhà bếp 48,98m² đồ mái và lợp tôn chống nóng; 01 mái tôn và kính; làm mái tôn đua sân; láng sân bê tông; cổng, hàng rào sắt, mái cổng lợp tôn; 01 tủ bếp bằng tôn; 01 tủ lạnh Sam sung; 01 bếp điện; 01 nồi cơm điện; 01 nồi chiên không dầu; 01 bình nóng lạnh; 01 giường gỗ; 01 bộ bàn ăn bằng gỗ; 01 điều H Panasonic; 02 điều H Casper; 01 ti vi. Chị L xác định tất cả những tài sản trên được mua sắm, trang bị bằng tiền của hai vợ chồng, không liên quan gì đến mẹ chồng là bà Vi Thị L. Chị L yêu cầu anh H có trách nhiệm trích chia cho chị 1/2 giá trị các tài sản trên.

Các khoản nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H công nhận phần khai của chị L về quá trình kết hôn, con chung là đúng. Về nguyên nhân ly hôn theo anh là do vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị L đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Chị L đề nghị ly hôn anh H nhất trí.

Về con chung: Anh H xác định có hai con chung tên là Nguyễn Hải

Anh, sinh ngày 07/8/2011 và Nguyễn Minh Phúc, sinh 14/9/2018. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Hải Anh và Nguyễn Minh Phúc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng mua được 01 thửa đất số 1933 tờ bản đồ số 7, diện tích 127,8m², tại xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, tài sản này vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng còn mua sắm được các tài sản chung là: 01 tủ lạnh Sam sung; 01 bếp điện; 01 nồi cơm điện; 01 nồi chiên không dầu; 01 bình nóng lạnh; 01 giường gỗ; 01 bộ bàn ăn bằng gỗ; 01 điều H Panasonic; 02 điều H Casper; 01 ti vi sony như chị L trình bày là đúng. Anh H xác định những tài sản trên là của vợ chồng mua sắm, không liên quan đến bà Vi Thị L mẹ đẻ của anh. Anh H đề nghị Tòa án giao cho chị L quản lý, sử dụng những tài sản trên, chị L có trách nhiệm trích chia cho anh ½ giá trị tài sản theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, anh H không lấy tài sản bằng hiện vật.

Anh H xác định căn bếp 48,98m² đổ mái và lợp tôn chống nóng; mái tôn và kính; mái tôn đua sân; sân bê tông; cổng, hàng rào sắt, mái cổng lợp tôn; 01 tủ bếp bằng tôn được xây dựng và mua sắm năm 2022 từ nguồn tiền của bà Vi Thị L đưa cho anh. Tháng 8 năm 2022 bà L đưa cho anh 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để xây dựng căn bếp và các hạng mục trên, sau đó anh H đưa tiền cho chị L để chi trả. Khi đưa tiền giữa bà L, anh H và chị L đều không viết giấy tờ gì, chỉ đưa bằng tiền mặt. Anh H xác định lương hàng tháng 15.000.000 đồng và tiền làm thêm anh đều đưa cho chị L chi tiêu. Chị L không có công sức đóng góp gì, do vậy, chị L đề nghị chia công sức đóng góp đối với các tài sản trên anh H không nhất trí.

Các khoản nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có nợ chung, không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị L trình bày:**

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H, năm 2011 anh H kết hôn với chị L, sau khi kết hôn chị L, anh H cùng chung sống với bà tại ngôi nhà bà xây dựng từ trước trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 7, tại xóm Làng Phan, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E698289 mang tên hộ ông (bà) Nguyễn Xuân Quang. Năm 2022, bà có đưa cho anh Nguyễn Văn H số tiền 250.000.000 đồng để xây dựng 01 phòng bếp khoảng 48m² làm mái tôn, sân bê tông, cổng, hàng rào... Bà L xác định tiền xây dựng căn bếp và các công trình trên là tiền của bà L đưa tiền cho anh H, chị L không có công sức đóng góp gì. Khi đưa tiền cho anh H bà đưa bằng tiền mặt không có giấy tờ. Chị L đề nghị chia công sức đóng góp, đối với các tài sản trên bà không nhất trí.

Đối với các tài sản là: Tủ lạnh, bếp điện, nồi cơm điện, nồi chiên không dầu, bình nóng lạnh, giường gỗ, bộ bàn ăn bằng gỗ, điều H Panasonic, điều H Casper, ti vi là tài sản của vợ chồng anh H , chị L mua sắm. Bà L không có đóng góp gì, không liên quan đến những tài sản trên.

Với nội dung trên, tại bản án số 59/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thái Nguyên) đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 157, 158, 163, 165, 166, khoản 2 Điều 227, điểm 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 59, 61, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H .

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Phúc, sinh 14/9/2018; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Anh, sinh ngày 07/8/2011, đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị L , anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung:

4.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 1933 tờ bản đồ số 7, diện tích 127,8m², tại xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng 01 tủ lạnh Samsung, giá trị 6.300.000 đồng; 01 nồi chiên không dầu, giá trị 600.000 đồng; 01 điều H Panasonic, giá trị 3.500.000 đồng; 01 tivi sony, giá trị 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là **11.900.000** đồng (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng).

4.3. Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền quản lý, sử dụng 01 bếp điện Latino, giá trị 2.000.000 đồng; 01 nồi cơm điện Bluestone, giá trị 600.000 đồng; 01 bình nóng lạnh Vitek, giá trị 1.100.000 đồng; 01 giường gỗ, giá trị 1.600.000 đồng; 01 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ, giá trị 4.200.000 đồng; 02 điều H casper, giá trị 2.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là **12.300.000** đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

4.4. Giao cho bà Vi Thị L được quyền quản lý, sử dụng 01 nhà diện tích 48,98 m², xây dựng năm 2022 mái đổ bê tông cốt thép, trên mái có lợp tôn chống nóng, nền lát gạch 60cmx60cm (đang sử dụng để ở và làm bếp), trị giá 198.999.664; 01 mái tôn + kính đua cạnh nhà bếp, diện tích 18,2 m², trị giá 2.795.520 đồng; 01 mái đua sân, diện tích 48 m², trị giá 7.372.800 đồng; 01 sân láng bê tông, diện tích 50m², trị giá 4.080.000 đồng; 01 cổng sắt hộp + hàng rào sắt hộp diện tích 28 m², trị giá 14.560.000 đồng; 01 trụ cổng + hàng rào xây gạch diện tích 4,8 m², trị giá 6.739.200 đồng; 01 mái cổng diện tích 15 m², trị giá 3.708.000 đồng; 01 tủ bếp bằng nhôm, trị giá 12.600.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là **250.855.184** đồng (Hai trăm năm mươi triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn một trăm tám mươi tư đồng).

- Buộc bà Vi Thị L phải thanh toán cho anh Nguyễn Văn H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

- Buộc bà Vi Thị L phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị L số tiền 75.400.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2025 anh Nguyễn Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 59/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Thái Nguyên) về phần con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, về tài sản chung, anh xác định chị L không có đóng góp gì đối với việc xây, sửa một số hạng mục và mua sắm các thiết bị căn bếp.

Chị L không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia tài sản chung của anh H và chị L theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số

59/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thái Nguyên). Anh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của anh H về việc nuôi con chung:

Anh H và chị L có hai con chung tên là Nguyễn Hải Anh, sinh ngày 07/8/2011 và Nguyễn Minh Phúc, sinh 14/9/2018. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Phúc, giao cháu Hải Anh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hiện nay anh H và chị L đều chứng minh được có thu nhập ổn định (bảng lương có xác nhận của Công ty), có nơi ở, có thời gian chăm sóc và nuôi dạy con, đảm bảo cơ bản về vật chất và tinh thần. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Hải Anh, cháu lựa chọn ở với bố để tiện cho việc học tập gần trường. Do vậy, việc Hội đồng xét xử giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải Anh; chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Phúc là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và bảo đảm lợi ích tốt nhất cho con chung.

[2.2] Xét kháng cáo của anh H về phần tài sản chung:

Tại phiên toà chị L, anh H và bà Vi Thị L đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 148 tờ bản đồ số 7 tại xóm Khánh Hoà, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên là của bố mẹ đẻ anh H (ông Quang và bà L). Đối với kháng cáo của anh H không nhất trí về phần trích chia giá trị ngôi nhà diện tích 48,98 m² cho chị L 30% với lý do chị Nguyễn Thị L không có công sức đóng góp trong việc tạo lập khối tài sản của gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên toà Hội đồng xét xử thấy rằng, anh H và chị L kết hôn năm 2010, đến thời điểm tháng 8/2022 vợ chồng xây nhà là trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân*”.

Về tài sản chung của vợ chồng khi sống chung với gia đình thì theo Khoản 1 Điều 61 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình.”*.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cấp phúc thẩm anh H và bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn tiền xây dựng nhà gồm những khoản tiền cụ thể nào và của những ai. Cả anh H và chị L đều thừa nhận bà Vi Thị L có đưa tiền cho vợ chồng để làm nhà. Xét thấy thời điểm xây dựng nhà anh H, chị L và mẹ đẻ anh H chung sống cùng nhau, cùng có công sức đóng góp trong việc tạo lập tài sản nên căn cứ khoản 1 điều 33, khoản 1 điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà là tài sản chung của anh H, chị L, bà Vi Thị L và phân chia tài sản là phù hợp.

Trong vụ án bà Vi Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy không có yêu cầu độc lập nhưng tại phiên H giải ngày 12/5/2025 bà Vi Thị L đã có ý kiến đề nghị chia tài sản theo theo tỉ lệ đóng góp của từng người, do vậy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và giải quyết vụ án được triệt để, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao tài sản là căn nhà cho bà Vi Thị L quản lý, sử dụng và bà L có trách nhiệm trích chia tiền 30% cho chị L, 40% cho anh H là phù hợp với thực tế và đúng theo quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của anh H là không có căn cứ để chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thái Nguyên) không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Thái Nguyên).

2. Về án phí ly hôn phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm nộp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000080 ngày 10/7/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn